

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- NĂM BÁO CÁO: 2015 -

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên thành lập : CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Tên viết tắt : **PETEC BIDICO**

Giấy phép đăng ký kinh doanh số **4100406219** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp
(lần thứ mười một) ngày 13/02/2015

Vốn điều lệ : 30.600.000.000 VNĐ (Ba mươi tỷ sáu trăm triệu đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 30.600.000.000 VNĐ (Ba mươi tỷ sáu trăm triệu đồng)

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 056.3 822233 - Fax : 056.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn

MỤC LỤC	<u>Trang</u>
I. Thông tin chung	03
1. Quá trình hình thành và phát triển	-
2. Ngành nghề và đạo bàn kinh doanh	-
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	05
4. Định hướng phát triển	07
II. Tình hình hoạt động trong năm	08
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11
4. Tình hình tài chính	-
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	12
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư cả chủ sở hữu	-
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	13
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	-
2. Tình hình tài chính	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	16
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2016	-
5. Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	17
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty	17
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.	-
2. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ban TGD.	-
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT.	-
V. Báo cáo tài chính	18
1. Ý kiến kiểm toán.	-
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	20

I. Thông tin chung

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai Cty: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thông nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại;
- Đầu tư tài chính;

b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:

	<u>Năm 2015</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>	<u>Năm 2014</u>	<i>Tỷ lệ chiếm</i>
Tổng doanh thu (triệu đồng)	814.187	100%	956.056	100%
<i><u>Trong đó:</u></i>				
- Kinh doanh xi-măng	314.712	38,7%	293.659	30,7%
- Kinh doanh xăng dầu	397.072	48,8%	550.952	57,6%
- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm	93.192	11,4%	98.805	10,3%

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị.



– **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Hội đồng Quản trị công ty:

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm (theo điều lệ từ 5 - 7 thành viên). Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc. Bên cạnh đó Ban kiểm soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp (Chủ yếu là kinh doanh xi-măng);
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng (dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh hàng công nghệ phẩm);

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, Giám đốc Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

– Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất:

Danh sách các công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực SX-KD	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con
Công ty TNHH MTV Du lịch Petec Bình Định	323 Bạch Đằng, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	Nhà hàng ăn uống, khách sạn, lữ hành, bán lẻ lương thực, thực phẩm...	7.000.000.000 VNĐ	100%

4. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Giữ vững thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong khả năng cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối ở ngành hàng xi-măng và xăng dầu (thương nhân phân phối).
- Trước tình hình vốn vay đang tiếp tục có nhiều thuận lợi, doanh nghiệp chủ động nâng cao hiệu suất sử dụng đồng vốn đi đôi với quản lý chặt chẽ nhằm giảm thiểu rủi ro từ các khâu công nợ phải thu.
- Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm đạt từ 10%;

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển bền vững đối với hai ngành hàng chiến lược là xi-măng và xăng dầu. Đối với xi-măng, chú trọng phát triển mạnh thị trường khu vực các tỉnh Tây Nguyên nhằm gia tăng lượng tiêu thụ các mặt hàng có chất lượng như xi-măng Phúc Sơn và Nghi Sơn tại thị trường này. Đối với xăng dầu, tiếp tục ổn định khâu bán lẻ, khai thác hiệu quả Kho dầu An Phú tại Cảng Quy Nhơn, qua đó đảm bảo nguồn cung cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa cung ứng cho hệ thống khách hàng.
- Nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trên đất mặt bằng hiện có.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy có trình độ và kinh nghiệm trong từng lĩnh vực kinh doanh then chốt.
- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định, yêu cầu thực tế của Công ty, khả năng phát triển của nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
 - Tìm kiếm cơ hội đầu tư và kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh đối với các mặt bằng hiện có của Công ty, thông qua đó nâng cấp các mặt bằng

này với mục tiêu khai thác hiệu quả hơn các tài sản trên đất trong giai đoạn sắp đến;

- Xây dựng thêm Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ.

b. *Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).*

- Giá xăng dầu Thế Giới biến động lớn, giảm sâu liên tục trong năm 2015, dẫn đến giá trong nước biến động liên tục.
- Mảng xi-măng cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt từ khu vực xi-măng giá rẻ, chi phí đầu vào tăng cao (như chi phí bốc dỡ hàng, chi phí vận chuyển, các bất cập về quản lý tải trọng trong vận chuyển đặc biệt ở tuyến miền Trung đi các tỉnh Tây Nguyên ...), do đó lợi nhuận trên đầu tấn xi-măng giảm sút so với năm trước.
- Mặc dù công tác kiểm soát nợ phải thu các năm qua đạt được 1 số kết quả khả quan, song nếu so với yêu cầu, thì vẫn tồn tại vấn đề cần khắc phục nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tiềm ẩn rủi ro ở các ngành hàng kinh doanh chủ lực của Công ty.
- Tình hình hạn hán nặng nề do tác động của biến đổi khí hậu, đặc biệt ở các tỉnh Tây Nguyên trong gần 6 tháng qua, chắc chắn sẽ làm suy giảm đáng kể sức mua của thị trường trong thời gian đến.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:*

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2015:

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2015		So sánh thực hiện năm 2015	
		Kế hoạch	Thực hiện	Với KH 2015	Với TH 2014
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	903.761	774.520	86%	84%
DOANH THU	Tr.đồng	932.853	814.187	87%	85%
DOANH THU TIÊU THỤ THÀNH PHẨM	Tr.đồng	2.065	39,00	2%	3%
Nước tinh khiết	Lít	1.454.200	21.454	1%	2%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	920.348	805.012	87%	85%
Xi-măng	Tr.đồng	332.091	314.712	95%	107%
- Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, Lộc Sơn)	Tấn	250.000	235.817	94%	106%
Xăng dầu	Tr.đồng	478.138	397.072	83%	72%
- Bán buôn	Tr.đồng	338.542	280.979	83%	71%

<i>+ Lương bán ra</i>	<i>1000 lít</i>	<i>19.300</i>	<i>20.519</i>	<i>106%</i>	<i>104%</i>
(+) Xăng	-	5.000	4.753	95%	96%
(+) Dầu DO	-	14.250	15.724	110%	107%
(+) Dầu KO	-	50	43	86%	96%
- Bán lẻ	Tr.đồng	139.596	116.093	83%	76%
<i>+ Lương bán ra</i>	<i>1000 lít</i>	<i>7.300</i>	<i>7.550</i>	<i>103%</i>	<i>106%</i>
(+) Xăng	-	4.400	4.349	99%	102%
(+) Dầu DO	-	2.900	3.201	110%	111%
- Tổng lượng					
- Xăng các loại	1000 lít	9.400	9.102	97%	96%
- Dầu DO	-	17.150	18.925	110%	107%
- Dầu KO	-	50	43	86%	96%
Hàng CNP	Tr.đồng	110.120	93.192	85%	94%

D.THU D/VỤ (Nhà hàng - T.Cưới),

CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	10.439	9.136,10	88%	82%
--------------------------	----------------	---------------	-----------------	------------	------------

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần	-	932.853	814.187	87,3%	85,2%
Giá vốn hàng bán	-	903.761	774.520	85,7%	83,7%
Chiết khấu hàng mua	-	6.950	-	0%	0%
Lợi nhuận gộp	-	36.042	39.666	110,1%	131,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	342	514	150,51%	44,76%
Chi phí hoạt động tài chính	-	4.074	6.698	164,42%	241,43%
- Trong đó, chi phí lãi vay	-	4.074	2.554	62,7%	76,64%
Chi phí bán hàng	-	23.960	30.772	128,43%	110,46%
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	-	4.248	9.573	225,35%	167,22%
Lợi tức thuần từ HĐKD	-	4.103	(6.862)	-167,3%	0%
Thu nhập khác	-	-	21.749	0%	231,74%
Chi phí khác	-	-	293	0%	-
Lợi tức khác	-	-	21.456	0%	-
Tổng lợi tức trước thuế	-	4.103	14.594	355,7%	338,69%
Thuế lợi tức phải nộp	-	903	3.429	379,9%	346,2%
Lợi nhuận sau thuế	-	3.200	11.165	348,9%	336,5%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn ĐL	%	10,46	36	348,9%	336,5%
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	10,00	10,00	100%	100%

Trong đó, các mảng kinh doanh chính đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu : Doanh thu 397 tỷ đồng (sản lượng 28,07 triệu lít), đạt 97% kế hoạch đề ra, trong đó sản lượng bán ở cả khu vực bán buôn và bán lẻ đều có mức tăng trưởng tốt so với năm trước, đạt và vượt kế hoạch đề ra từ 4-6%.
- Xi-măng : Doanh số 314,7 tỷ đồng, đạt sản lượng 236 tấn, đạt 95% kế hoạch đề ra, vượt 7,2% thực hiện năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (gồm 5 thành viên) và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ IV (gồm 3 thành viên).

Hội đồng quản trị

• Ông Huỳnh Đức Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
• Ông Nguyễn Trọng Phát	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Lương Duy Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Huỳnh Lạc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 Miễn nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Võ Hữu Tấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 Miễn nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Văn Ánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
• Ông Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/05/2010 Miễn nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2015
• Bà Phạm Thị Năm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09/04/2009 Miễn nhiệm ngày 23/05/2015

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
• Ông Lương Duy Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
• Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015
• Bà Khổng Thị Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25/05/2015

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị: (tính đến 31/12/2015)

Stt	Họ tên người sở hữu cổ phần	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	C.Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec (Người đại diện phần vốn: Huỳnh Đức Trường)	965.200	31,54
2	Huỳnh Đức Trường	15.694	0,51
3	Nguyễn Trọng Phát	130.490	4,26
4	Lương Duy Vân	191.600	6,26
5	Đỗ Khoa Mỹ Linh	61.800	2,02
6	Nguyễn Đức Linh	0	-
Tổng cộng		1.364.784	45,25

– Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 95 người. Trong đó nhân viên quản lý 18 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Không có

4. Tình hình tài chính:

(Đvt: Triệu đồng)

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	118.176	107.665	9,76%
Doanh thu thuần	814.187	956.056	-14,84%
Lợi nhuận từ h.động kinh doanh	-6.862	-5.071	-35,32%
Lợi nhuận khác	21.456	9.380	128,74%
Lợi nhuận trước thuế	14.594	4.309	238,68%
Lợi nhuận sau thuế	11.165	3.319	236,41%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	10%	0,00%

a. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,58	1,38	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,23	1,07	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,50	0,50	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,98	1,01	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	43,58	57,95	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	6,89	8,88	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,014	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,187	0,062	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,094	0,031	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 3.060.000 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ. Không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu.

b. Cơ cấu cổ đông: (tính đến 31/12/2015)

- Tổng số cổ phần : 3.060.000 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.
- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 965.200 cổ phần, chiếm 31,54%.
- **Cổ đông thể nhân : 373 cổ đông, nắm giữ 2.094.800 cổ phần, chiếm 68,46%.**
- Cổ đông là Nhà nước: Không có.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm: Không có.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Nhìn chung nền kinh tế Việt Nam năm 2015 đang trên đà hồi phục tích cực. Tỷ lệ lạm phát ở mức thấp. Thị trường bất động sản dần sôi động trở lại. Giá dầu tiếp tục giảm sâu gây rất nhiều áp lực lên các đơn vị kinh doanh ngành hàng này, song cũng góp phần tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho các lĩnh vực khác giúp làm tăng nhu cầu tiêu thụ của nền kinh tế.

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, năm 2015 là năm mà nhu cầu thị trường có sự tăng trưởng tốt, thời tiết diễn biến thuận lợi, nguồn hàng ổn định, nhờ đó công tác bán hàng được đẩy mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường kể cả những giai đoạn cao điểm. Bên cạnh đó, chi phí vốn vay được duy trì ổn định, công tác quản lý dòng tiền, quản lý chi phí được thực hiện chặt chẽ, các khâu quản lý tại các phòng ban đơn vị được kiện toàn, bước đầu mang lại hiệu quả,... Chính vì vậy, mặc dù tổng doanh thu toàn Công ty tuy chỉ đạt 87% so với kế hoạch, song lợi nhuận đạt được khá tốt, vượt 3,5 lần so với chỉ tiêu đề ra (bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng TSTĐ), hoàn thành mức cổ tức chi cho cổ đông năm 2015 là 10%, đời sống thu nhập của người lao động được nâng cao.

Trong bối cảnh nền kinh tế năm 2015 còn có nhiều biến động phức tạp, việc giữ vững sản lượng bán ra, hiệu quả kinh doanh đạt theo yêu cầu, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra đã thể hiện những cố gắng lớn của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV trong suốt một năm qua.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Trong năm qua, giá dầu Thế Giới tiếp tục giảm sâu. Trước chu kỳ giảm giá liên tục, Công ty luôn bám sát thông tin thị trường, chủ động về hàng hóa, để vừa có hàng đáp ứng cho thị trường vừa hạn chế tối thiểu rủi ro giảm giá hàng tồn kho. Tổng doanh số bán ra đạt 397 tỷ đồng, đạt 83% kế hoạch, mặc dù vậy sản lượng bán ra năm 2015 ở cả khu vực bán buôn và bán lẻ đều có mức tăng 5% so với kế hoạch và so với năm trước (đạt 28,07 triệu lít).

Để có được sức cạnh tranh trên thị trường, Công ty đã chú trọng khai thác lợi thế của Kho An Phú tại Cảng Quy Nhơn để đảm bảo chất lượng hàng hóa cũng như tạo sự chủ động trong cung ứng hàng cho hệ thống khách hàng. Đối với mảng bán lẻ, Công ty đã

chủ động trong việc sửa chữa khang trang các cơ sở vật chất các điểm bán lẻ, nâng cao chất lượng phục vụ tại các cửa hàng này.

Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:

Xuất phát từ nhu cầu xây dựng cơ bản gia tăng trong bối cảnh nền kinh tế hồi phục, thị trường bất động sản ảm đạm, giúp cho ngành hàng xi-măng có mức tăng trưởng khá trong năm 2015. Với tiềm lực sẵn có về uy tín thị trường, về nguồn hàng chất lượng, quản lý chi phí đầu vào hợp lý, đồng thời khắc phục những khó khăn trong vấn đề vận chuyển, mảng kinh doanh xi-măng đã nắm bắt tốt cơ hội, chủ động nguồn hàng, đẩy mạnh bán ra. Tổng sản lượng xi-măng bán ra năm 2015 đạt 236 ngàn tấn, đạt 94% kế hoạch đề ra. Các sản phẩm chất lượng mà Công ty phân phối tiếp tục là xi-măng Phúc Sơn, Nghi Sơn, Lộc Sơn, trong đó xi-măng Phúc Sơn có mức sản lượng bán ra lớn nhất (đạt 172 ngàn tấn bán ra), qua đó giữ được thị phần, đảm bảo được các chỉ tiêu theo kế hoạch về sản lượng cũng như hiệu quả kinh doanh.

Đối với Công ty TNHH MTV Du lịch (là công ty con, kinh doanh dịch vụ Nhà hàng – Tiệc cưới,...):

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh của đơn vị tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, hiệu quả kinh doanh không đạt như mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu tập trung ở việc chưa nâng được chất lượng phục vụ, chất lượng món ăn, sức cạnh tranh yếu. Để khắc phục tình trạng này, nhất thiết phải có sự điều chỉnh về mô hình quản lý phù hợp trong năm 2016.

Dịch vụ cho thuê mặt bằng:

Hiện Công ty có 10 vị trí đang hợp tác cho thuê Cửa hàng kho bãi, trong đó vị trí có diện tích lớn nhất là Xí nghiệp CB&KD Hàng tiêu dùng (8.500m²). Bên cạnh chi phí thuê đất cao từ nhiều năm qua, thì công tác quản lý Nhà nước đối với đất thuê cũng thật chặt, gặp nhiều trở ngại cho hoạt động kinh doanh cho thuê của Công ty. Dù vậy, hiệu quả kinh doanh dịch vụ này trong năm 2015 nhìn chung ổn định, riêng khu vực Xí nghiệp Chế biến & Kinh doanh Hàng tiêu dùng không còn phải bù lỗ trong năm 2015.

Sản xuất nước tinh khiết và kinh doanh hàng công nghệ phẩm:

Do công suất sản xuất thấp, không đạt hiệu quả, nên trong quý 1 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động sản xuất và kinh doanh mặt hàng nước tinh khiết.

Năm 2015 sản lượng bán ra của mặt hàng thuốc lá đạt tương đương so với năm trước, hoàn thành 90% so với kế hoạch, đạt hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên do cạnh tranh lớn, tình trạng thuốc lá nhập lậu vẫn diễn biến phức tạp gây khó khăn cho việc phát triển thị trường trong thời gian đến.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được .

Về công tác tổ chức lao động:

Trong năm 2015, Ban lãnh đạo đã thực hiện công tác kiện toàn bộ máy đặc biệt tại đội ngũ cán bộ quản lý tại các đơn vị kinh doanh, bước đầu đã mang lại hiệu quả nhất định.

Ngoài ra, trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn gặp rất nhiều khó khăn, song 100% người lao động vẫn bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2015, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt trên 5 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng cơ chế khoán hợp lý đối với công tác sử dụng khai thác tài sản trên đất do Xí nghiệp Chế biến & Kinh doanh hàng tiêu dùng quản lý và kinh doanh tại 237 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định (diện tích 8.500 m²), vì vậy XN CB&KD Hàng tiêu dùng không còn phải bù lỗ như các năm trước (chủ yếu do chi phí thuê đất quá cao).

Công ty đã linh hoạt các cơ chế bán hàng; nâng cao chất lượng phục vụ; Công ty cũng thường xuyên củng cố, phát triển mạng lưới phân phối, đại lý; chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng, dự trữ hàng hóa hợp lý; điều chỉnh cơ chế giá kịp thời; tăng cường hợp tác với các nhà sản xuất, nhà cung ứng, nhà phân phối; Công ty cũng luôn bảo đảm an toàn sản xuất kinh doanh, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội.

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, giữ vững được thị trường, kinh doanh có hiệu quả, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động. Năm 2015 tiếp tục là năm thứ chín liên tiếp Công ty được tổ chức Công ty Việt Nam Report phối hợp với Đại học Havard Hoa Kỳ bình chọn vào Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Có được những thành quả trên, trước hết là nhờ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và quản lý điều hành có hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cùng với tinh thần đoàn kết, năng động của toàn thể CBCNV Công ty trong các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Công ty hiện có quyền sở hữu lâu dài: 1.080 m² tại Chợ Gồm (Phù Cát) và có quyền sử dụng đất (đất thuê của Nhà nước) là 22.928,47 m². Các tài sản trên đất hầu hết được đưa vào sử dụng, tạo hiệu quả kinh tế.

Doanh thu dịch vụ cho thuê đối với các tài sản trên đất năm 2015 đạt 2 tỷ 893 triệu đồng, đạt hiệu quả đề ra.

Trong năm Công ty thực hiện chuyển nhượng tài sản trên đất đối với 2 tài sản trên đất, gồm: Showroom Ô Tô Phước Lộc (3.004 m²) và 403 Trần Hưng Đạo (253,1 m²). So với việc cho thuê tài sản trên đất, giá trị chuyển nhượng các tài sản nhìn chung đạt hiệu quả tốt.

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2015, đa số các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2015 là: 48.857.580.069 đồng (trong đó nợ quá hạn từ 6 tháng trở lên: 11.597.277.847 đồng)

Nợ quá hạn luôn tiềm ẩn rủi ro về tài chính và làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty, cụ thể đến 31/12/2015, Công ty đã phải trích lập thêm dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là: 5.866.739.273 đồng (việc trích lập dự phòng được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính).

Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty được lập từ năm 2013, qua các năm đều được hoàn thiện nhằm tăng tính hiệu quả trong quản lý nợ, đơn đốc thu hồi công nợ đến hạn và quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dây dưa, khó đòi.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2016, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả cho người bán đến 31/12/2015: 11.777.868.301 đồng.

Trong năm không có biến động lớn về các khoản nợ.

Trong năm qua, Công ty đã luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Về tài chính:

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý nợ phải thu, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Đối với khách hàng, tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc chỉ ký kết hợp đồng với các khách hàng đại lý có thể đảm bảo an toàn vốn và có hiệu quả trong kinh doanh, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro.
- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế – kỹ thuật Công ty đã được các khâu thực hiện theo đúng qui định của Công ty.
- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

Về tổ chức:

- Kiện toàn bộ máy quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, tăng hiệu quả trong quản lý. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.
- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng vững chắc để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2016:

Trên cơ sở tình hình thực tế, dự báo thị trường thời gian đến, năng lực của Công ty, kế hoạch kinh doanh năm 2016 của Công ty cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2016
Tổng doanh thu	910.637 triệu đồng
Lợi nhuận sau thuế	3.655 triệu đồng
Cổ tức dự kiến	10 %

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):

Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Lãnh đạo Công ty đã làm tròn chức trách điều hành và quản trị Công ty và định hướng các biện pháp kinh doanh có hiệu quả, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2015 của Đại hội cổ đông đã đề ra.

Công ty đã thực hiện tốt việc kiện toàn bộ máy nhân sự. Các trưởng bộ phận đã điều hành tốt các nhiệm vụ được giao, có khả năng phối hợp các bộ phận tạo điều kiện hỗ trợ hoàn chỉnh các mục tiêu đề ra.

Công tác điều hành đối với công ty con chưa đạt kết quả mong muốn, kết quả kinh doanh dịch nhà hàng tiệc cưới lỗ trong các năm qua do cạnh tranh lớn, nhu cầu không tăng như dự báo. Hoạt động chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo Công ty thời gian đến tập trung chủ yếu công tác thay đổi mô hình quản lý kinh doanh nhằm tăng chất lượng hàng hóa, chất lượng phục vụ, mục tiêu là không để xảy ra tình trạng lỗ trong năm 2016.

Tình hình kinh doanh năm 2016 như đã dự báo sẽ có nhiều thuận lợi hơn so với các năm trước, song cũng có nhiều thách thức do mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày một phức tạp, vì vậy tất cả CBCNV và Ban lãnh đạo Công ty phải nâng cao hiệu quả hoạt động để ngày càng đáp ứng yêu cầu của thực tế.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2015 của Hội đồng quản trị đề ra. Trong năm 2016, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp để giữ thị trường, khách hàng, Ban Tổng giám đốc phải có kế hoạch mở rộng đối với hai

ngành hàng chính là xăng dầu và đặc biệt là xi-măng, song song với nhiệm vụ quản lý nợ, kiểm soát chặt chẽ rủi ro đối với nợ phải thu nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Với công ty con, Ban điều hành cần năng động và quyết liệt hơn trong công tác quản trị, mục tiêu đặt ra là đơn vị này không tiếp tục lỗ trong năm 2016, hoạt động hiệu quả trong thời gian đến.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2016 là năm mà nhu cầu thị trường sẽ có nhiều khởi sắc xuất phát từ nền kinh tế có sự hồi phục tích cực trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên do tác động của kinh tế Thế giới, kinh tế trong nước sẽ tiếp tục biến động, đặc biệt từ phía giá dầu và tiến trình hội nhập của Việt Nam,... Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm sự chỉ đạo đối với Ban Tổng giám đốc được thực hiện sâu sát hơn, mục tiêu là hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Quyết tâm thực hiện tốt công tác quản lý sau:

- Nâng cao sản lượng bán ra ở hai ngành hàng chính là xăng dầu và xi-măng, đảm bảo tính ổn định đối với các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, đặc biệt đối với nợ phải thu.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao trách nhiệm quản lý, nâng cao năng suất lao động, duy trì các chỉ số phát triển bền vững.

Dự kiến các khoản đầu tư:

Không có.

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/03/2016, từ trang 6 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, giá gốc của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty chưa niêm yết tại ngày 31/12/2015 là 5.478.927.000 đồng. Kiểm toán viên không được cung cấp báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư cũng như không xác định được giá trị thị trường của các chứng khoán nêu trên. Với hạn chế này, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về khoản mục “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	87.079.405.076	72.427.768.079
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	16.139.715.547	14.532.140.099
1. Tiền	16.139.715.547	14.532.140.099
2. Các khoản tương đương tiền	-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	49.620.217.022	41.351.813.685
1. Phải thu khách hàng	48.857.580.069	38.372.497.299
2. Trả trước cho người bán	5.969.279.918	7.605.078.874
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	660.096.308	199.098.410
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Các khoản phải thu khác	-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(5.866.739.273)	(4.824.860.898)
IV. Hàng tồn kho	19.565.808.121	15.979.043.506
1. Hàng tồn kho	19.565.808.121	15.979.043.506
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.753.664.386	564.770.789
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	91.186.957	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.644.203.833	544.529.423
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18.273.596	20.241.366
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
(Tiếp theo)

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	31.096.617.203	35.236.776.290
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	27.590.365.526	29.174.957.642
1. Tài sản cố định hữu hình	26.689.717.526	28.274.309.642
- Nguyên giá	52.174.476.087	51.705.018.274
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(25.484.758.561)	(23.430.708.632)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-
1. Nguyên giá	-	-
2. Hao mòn lũy kế (*)	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.388.580.278	5.479.031.400
1. Đầu tư vào công ty con	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.479.064.524	5.479.064.524
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	(4.090.484.246)	(33.124)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	2.117.671.399	582.787.248
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.117.671.399	582.787.248
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	118.176.022.279	107.664.544.369

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	58.590.888.396	54.011.212.185
I. Nợ ngắn hạn	55.009.890.660	52.646.658.185
1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.777.868.301	3.320.758.124
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	33.800.258	88.073.326
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.034.158.107	1.479.979.326
4. Phải trả người lao động	1.602.540.301	1.129.846.928
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	58.590.888.396	54.011.212.185
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	2.777.678.666	1.966.379.226,00
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	37.589.250.208	44.421.464.393,00
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	194.594.819	240.156.862,00
13. Quỹ bình ổn giá	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II. Nợ dài hạn	3.580.997.736	1.364.554.000,00
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	2.180.997.736	1.364.554.000,00
4. Vay và nợ dài hạn	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.400.000.000	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	-
9. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	59.585.133.883	53.653.332.184,00
I. Vốn chủ sở hữu	59.585.133.883	53.653.332.184,00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.600.000.000	30.600.000.000,00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	30.600.000.000	30.600.000.000,00
- Cổ phiếu ưu đãi		
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	19.617.483.450	19.617.483.450
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	9.367.650.433	3.435.848.734
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(267.659.596)	1.647.091.609
- LNST chưa phân phối kỳ này	9.635.310.029	1.788.757.125
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
2. Nguồn kinh phí	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	118.176.022.279	107.664.544.369

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	810.794.769.037	945.602.188.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	814.186.709.887	956.055.607.492
4. Giá vốn hàng bán	11	774.520.477.039	925.918.223.252
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	39.666.232.848	30.137.384.240
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	514.475.501	1.149.487.699
7. Chi phí tài chính	22	6.697.745.880	2.774.365.473
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.554.491.259	3.332.524.752
8. Chi phí bán hàng	24	30.771.769.392	27.858.196.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.573.396.810	5.724.925.903
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	(6.862.203.733)	(5.070.615.585)
11. Thu nhập khác	31	21.749.108.784	9.385.427.085
12. Chi phí khác	32	293.041.069	5.558.776
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	21.456.067.715	9.379.868.309
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50	14.593.863.982	4.309.252.724
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3.402.062.283	990.495.599
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26.491.670	
18. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	11.165.310.029	3.318.757.125
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61	11.165.310.029	3.318.757.125
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	3.021	823

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	14.593.863.982	4.309.252.724
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2.909.542.484	2.989.024.186
- Các khoản dự phòng	5.132.329.497	(779.641.793)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(9.348.872.271)	235.798.070
- Chi phí lãi vay	2.554.491.259	3.332.524.752
- Các khoản điều chỉnh khác		
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	15.841.354.951	10.086.957.939
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(10.428.229.718)	6.460.287.699
- Tăng, giảm hàng tồn kho	(3.586.764.615)	(725.544.080)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	9.640.245.907	(9.562.373.001)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	(1.626.071.108)	1.583.056.100
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		
- Tiền lãi vay đã trả	(2.554.491.259)	(3.332.524.752)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.049.278.935)	(1.760.100.177)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(845.562.043)	(1.602.678.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.391.203.180	1.147.080.843
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(3.252.045.119)	(48.170.712)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	11.241.999.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		880.785.240
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	33.968.022	70.477.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	8.023.921.903	903.091.694

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3. Tiền thu từ đi vay	794.330.305.372	942.924.422.445
4. Tiền trả nợ gốc vay	(801.162.519.557)	(937.106.938.459)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(2.975.335.450)	(4.114.373.750)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(9.807.549.635)	1.703.110.236
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	1.607.575.448	3.753.282.773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	14.532.140.099	10.778.857.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	16.139.715.547	14.532.140.099

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và toàn văn Báo cáo tài chính Công ty mẹ (đã được kiểm toán): đăng tải tại trang điện tử của Công ty có địa chỉ tại <http://www.petecbidico.com.vn/codong/index.php?nid=541>.

Tp. Quy Nhơn, ngày 20/4/2016

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Nguyễn Công Phát